

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:240/2026/HNGĐ-ST

Ngày 05-6-2026

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ.

2. Bà Phạm Tú Nhi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tô Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 - phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Phương U - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2026, tại sở Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 230/2026/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo định đưa vụ án ra xét xử số 176/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2026, Quyết định hoãn phiên các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1986; thường trú: Tổ C, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Minh T, sinh năm 1985; thường trú: Tổ C, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo khởi kiện đề ngày 27 tháng 01 năm 2026 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Đỗ Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị H và ông Trần Minh T tìm hiểu nhau một thời gian thì tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bình Dương (nay là Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) theo chứng nhận kết hôn số 109, quyển số 01/2006, ngày 18/12/2006.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc và hoà hợp. Tuy nhiên sống chung một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã,

vợ, chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Hiện nay vợ chồng không còn chung sống ly thân. Nay bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Đỗ Thị H yêu cầu được ly hôn với ông Trần Minh T.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà Đỗ Thị H và ông Trần Minh T có 03 con chung là Trần Thị Cẩm T1, sinh ngày 07/04/2007; Trần Minh T2, sinh ngày 24/04/2010 và Trần Hiền T3, sinh ngày 17/09/2019. Con chung Trần Thị Cẩm T1, sinh ngày 07/4/2007 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn, bà Đỗ Thị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung là Trần Minh T2, sinh ngày 24/04/2010 và Trần Hiền T3, sinh ngày 17/09/2019. Bà Đỗ Thị H không yêu cầu ông Trần Minh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Minh T: Đã được Toà án thông báo tham gia tố tụng, nhưng không đến Toà án làm việc, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

- Tại biên bản xác minh ngày 20/3/2026 Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà Đỗ Thị H và ông Trần Minh T tại Hội nữ phường T, Thành phố Hồ Chí Minh và được cung cấp thông tin như sau: Bà Đỗ Thị H không phải là thành viên nữ phường. Trước khi khởi kiện ly hôn tại Toà án, bà H cũng như ông T cũng không có yêu cầu địa phương tổ chức hòa giải cơ sở; Hội hiệp cũng không tiếp nhận thông tin cung cấp từ đại diện khu phố cũng như người dân phản ánh. Vì vậy, Hội hiệp nữ phường T không rõ nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà H và ông T. Đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án theo quy định.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh:* Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật về tố tụng dân sự, nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Đỗ Thị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt; bị đơn ông Trần Minh T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 13/5/2026 và ngày 05/6/2026 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ theo Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: Bà Đỗ Thị H và ông Trần Minh T tìm hiểu nhau một thời gian thì tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy

ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bình Dương (nay là Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) kết hôn số 109, quyển số 01/2006, ngày 18/12/2006. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống chung của vợ chồng không được hoà thuận, hạnh phúc nên bà H yêu cầu ly hôn với ông T. Quá trình tố tụng Toà án đã triệu tập bà Đỗ Thị H và ông Trần Minh T để hoà giải nhưng bà H xác định là vợ chồng đã ly thân nên tình cảm vợ chồng không còn nên có đơn từ chối hòa giải, ông T vắng mặt không rõ lý do. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà H yêu cầu ly hôn với ông T là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình tố tụng bà H xác định vợ chồng có 03 con chung là Trần Thị Cẩm T1, sinh ngày 07/04/2007; Trần Minh T2, sinh ngày 24/04/2010 và Trần Hiền T3, sinh ngày 17/09/2019. Con chung Trần Thị Cẩm T1, sinh ngày 07/4/2007 đã trưởng thành đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Trần Minh T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng ông Trần Minh T không có ý kiến gì đối với con chung. Tại trình bày ý kiến ngày 13/3/2026 cháu Trần Minh T2 và cháu Trần Hiền T3 có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét thấy, yêu cầu của bà H là phù hợp với nguyện vọng của cháu T2 và cháu T3 và cũng phù hợp với quy định của Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận

[5] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đỗ Thị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị H về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con với bị đơn ông Trần Minh T.

1.1 Về quan hệ hôn nhân Bà Đỗ Thị H được ly hôn với ông Trần Minh T.

1.2. Về con chung: Ông Trần Minh T giao con chung là cháu Trần Minh T2, sinh ngày 24/04/2010 và cháu Trần Hiền T3, sinh ngày 17/09/2019 cho bà Đỗ Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của bà

Đỗ Thị H về việc không yêu cầu ông Trần Minh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, bà Đỗ Thị H và ông Trần Minh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

1.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm Bà Đỗ Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0014208 ngày 06 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 16 - TP Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 16 - TP Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu văn thư; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà

